TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thuyền.

2. Ông Lại Thiện Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 177/2024/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Huyền T, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn N, sinh năm 1992 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền T trình bày: Chị và anh N xây dựng hôn nhân vào năm 2011. Đến năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống, có một người con chung là cháu Ngô Vũ K, sinh ngày 12/6/2015. Hiện nay cháu K đang sống cùng anh N. Về tài sản chung và nợ chung, không có.

Quá trình chung sống, chị và anh N không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau khiến cuộc sống tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Chị và anh N đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Vì vậy, nay chị yêu cầu ly hôn với anh N. Về con chung, chị đồng ý giao cháu K cho anh N nuôi dạy, giáo dục. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Ngô Văn N từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, anh N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà anh N để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp anh N nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N. Về con chung, giao cháu Ngô Vũ K, sinh ngày 12/6/2015 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, anh N không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không, không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Vũ Thị Huyền T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn N. Khi khởi kiện, anh Nghĩa có địa chỉ tại ấp C, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Vũ Thị Huyền T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Ngô Văn N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Huyền T và anh Ngô Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 18 tháng 5 năm 2016 nên hôn nhân giữa chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Chị Vũ Thị Huyền T xác định quá trình chung sống, chị và anh N không cùng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Đồng thời, chị và anh N đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 06 tháng 9 năm 2024, ông Ngô Khắc D là Trưởng ấp C, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu xác định *"Khi Toà án tống đạt các văn*

bản tố tụng cho anh N thì địa phương có thông báo cho anh N biết qua điện thoại. Anh N không có ý kiến và cũng không về để giải quyết vụ án. Chị T và anh N cũng đã sống ly thân hơn 1 năm nay và hiện nay con chung là cháu K đang sống cùng anh N". Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh N đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh N biết chị T yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị T, điều này thể hiện thông qua việc Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N để hòa giải, xét xử nhưng anh N có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh N có 01 người con chung là cháu Ngô Vũ K, sinh ngày 12/6/2015. Hiện cháu K đang sống cùng anh N. Khi ly hôn chị T đồng ý giao cháu Khang cho anh N nuôi dạy, giáo dục. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Cháu K đã đủ bảy tuổi, thuộc trường hợp phải ghi nhận ý kiến và Toà án đã tiến hành đến nhà để ghi nhận ý kiến nhưng cháu K không có ở nhà nên không ghi nhận được nguyện vọng của cháu. Tuy nhiên, từ khi ly thân đến nay, cháu K sống cùng anh N, anh N vẫn chăm sóc cháu tốt, phát triển bình thường. Do vậy, cần giao cháu K cho anh N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vũ Thị Huyền T xác định quá trình chung sống, chị và anh N không có tài sản chung, nợ chung. Đồng thời, chị T, anh N cũng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Vũ Thị Huyền T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Huyền T với anh Ngô Văn N. Xử cho chị Vũ Thị Huyền T được ly hôn với anh Ngô Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Vũ K, sinh ngày 12/6/2015 cho anh Ngô Văn N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Vũ Thị Huyền T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Văn N không yêu cầu chị Vũ Thị Huyền T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vũ Thị Huyền T xác định không có, chị Vũ Thị Huyền T và anh Ngô Văn N đều không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Vũ Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Vũ Thị Huyền T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007739 ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- UBND xã L, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu